

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 175/TTr-TNMT ngày 11/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Công nghệ Sanken Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Lô C4, C5 (Thuê nhà xưởng số 01 của Công ty TNHH Tín Trục), KCN Đình Trám, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (*nay là phường Nénh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang*) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Dự án công nghệ Sanken Việt Nam” tại Lô C4, C5 (Thuê nhà xưởng số 01 của Công ty TNHH Tín Trục), KCN Đình Trám, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Dự án công nghệ Sanken Việt Nam.

1.2. Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Công nghệ Sanken Việt Nam.

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô C4, C5 (Thuê nhà xưởng số 01 của Công ty TNHH Tín Trục), KCN Đình Trám, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 2400977065 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 30/10/2023, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 03/11/2023 .

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8711643024 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 25/10/2023.

1.5. Mã số thuế: 2400977065

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất sản phẩm khác bằng plastic, chi tiết: Sản xuất linh kiện dùng cho điện thoại di động, ô tô và các sản phẩm điện tử khác như: tấm đệm, dây đồng hồ, phim dán bảo vệ màn hình, phim phản quang, tấm cố định PCB, tấm lót tai nghe, bộ lọc bụi tai nghe, tấm màng cách nhiệt, miếng đệm màn hình; sản xuất khuôn mẫu, kệ, đồ gá, kệ để đồ.

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất khuôn mẫu inox, linh kiện bằng đồng, Jig, giá đỡ, đồ ga; sản xuất tấm đệm màn hình dùng cho điện thoại, ô tô và các linh kiện điện tử khác.

- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su, chi tiết: Sản xuất miếng đệm cao su, gioăng cao su, tấm giảm chấn dung cho điện thoại di động, ô tô và các sản phẩm điện tử khác.

- Sản xuất nguyên liệu sợi, vải không dệt, chi tiết: Gia công đệm ghế ô tô, ốp sàn ô tô, ốp trục, ốp ác quy, linh kiện nội thất panel cửa và của các thiết bị điện khác.

- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì, chi tiết: Sản xuất tem, nhãn.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô C4, C5 (Thuê nhà xưởng số 01 của Công ty TNHH Tín Trục), KCN Đình Trám, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với tổng diện tích nhà xưởng thuê 4.896 m².

- Quy mô, công suất của dự án:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo quy định pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Sản xuất linh kiện dùng cho điện thoại di động, ô tô và các sản phẩm điện tử khác như: tấm đệm, dây đồng hồ, phim dán bảo vệ màn hình, phim phản quang, tấm cố định PCB, tấm lót tai nghe, bộ lọc bụi tai nghe, tấm màng cách nhiệt, miếng đệm màn hình; sản xuất khuôn mẫu, kệ, đồ gá, kệ để đồ: 72.000.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất khuôn mẫu inox, linh kiện bằng đồng, Jig, giá đỡ, đồ ga; sản xuất tấm đệm màn hình dùng cho điện thoại, ô tô và các linh kiện điện tử khác: 12.000.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất miếng đệm cao su, gioăng cao su, tấm giảm chấn dung cho điện thoại di động, ô tô và các sản phẩm điện tử khác: 12.000.000 sản phẩm/năm.

+ Gia công đệm ghế ô tô, ốp sàn ô tô, ốp trục, ốp ác quy, linh kiện nội thất panel cửa và của các thiết bị điện khác: 12.000.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất tem, nhãn: 12.000.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Công nghệ Sanken Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường.

1. Công ty TNHH Công nghệ Sanken Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Công nghệ Sanken Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 09 (chín) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên, cơ quan liên quan

tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Dự án công nghệ Sanken Việt Nam” tại lô C4, C5 (Thuê nhà xưởng số 01 của Công ty TNHH Tín Trục), KCN Đình Trám, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Công nghệ Sanken Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 223/QĐ-TNMT ngày 21/3/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Công nghệ Sanken Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang; UBND thị xã Việt Yên; Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang; Công ty TNHH Công nghệ Sanken Việt Nam và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Công thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN_{Việt Anh}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 20m³/ngày đêm của Công ty TNHH Tín Trục đảm bảo đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT (Công ty TNHH Tín Trục bàn giao cho Công ty TNHH Công nghệ Sanken Việt Nam quản lý và vận hành hệ thống theo Biên bản thỏa thuận đấu nối và bàn giao vận hành hệ thống xử lý nước thải ngày 01/4/2024), sau đó đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Trám do Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A và thải ra nguồn tiếp nhận.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ tại 01 bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 5m³, sau đó theo đường ống PVC D110 với tổng chiều dài khoảng 20m dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 20m³/ngày đêm của Công ty TNHH Tín Trục (bàn giao cho Công ty TNHH Công nghệ Sanken quản lý và vận hành) xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Trám để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và xả thải ra nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn) → Bể thu gom → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể MBBR → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp Đình Trám.

- Công nghệ xử lý: Công nghệ sinh học MBBR.

- Công suất thiết kế: 20 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Methanol 16 kg/ngày; NaCCO₃ 2 kg/ngày; viên nén Chlorine 6 kg/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi xảy ra sự cố đối với hệ thống thu gom, thoát nước thải:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố công trình xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải và cụm bể xử lý theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Phải dừng hoạt động công trình xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của công trình xử lý và phải dừng hoạt động để khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua công trình xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng. Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 5/2024 - 8/2024.

2.2. Công trình thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày đêm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày đêm.

2.2.2 Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B)	Quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	-	-	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	pH	-	5,5-9	
3	BOD ₅	mg/l	50	
4	COD	mg/l	150	
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	10	
7	Tổng Nito	mg/l	40	
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6	
9	Sunfua	mg/l	0,5	
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	
11	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5000	

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

T T	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí nước thải đầu vào tại bể thu gom	Giai đoạn vận hành ổn định: Lấy mẫu đơn 1 lần. Thời gian dự kiến lấy mẫu: Ngày 03/6/2024	Lưu lượng, pH, BOD ₅ , COD, Chất rắn lơ lửng, amoni (tính theo N), tổng nito, tổng Photpho, sunfua, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
2	01 vị trí nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải	Lấy mẫu đơn với tần suất 01 ngày/lần, trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 03/6/2024 - Lần 2: Ngày 04/6/2024 - Lần 3: Ngày 05/6/2024		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Trám, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Không được phép lấp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh: 01 nguồn phát sinh

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất tại khu vực nhà xưởng của dự án.

2. Vị trí phát sinh: 01 vị trí

Vị trí: Khu vực nhà xưởng sản xuất. Tọa độ: X = 2351725; Y = 409076 (theo hệ tọa độ VN2000, trục kinh tuyến 107⁰, múi chiếu 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt tại chân tiết bị gây ồn; lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn; kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.

- Công nhân được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như: nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ, đặc biệt tại các vị trí làm việc có mức ồn cao. Chủ dự án sẽ nhắc nhở

công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn phải sử dụng bảo hộ lao động đầy đủ trong quá trình làm việc.

- Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong khu vực ô nhiễm ồn, rung nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân.

- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân, tránh hiện tượng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên.

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, găng tay nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	368
2	Bao bì mềm thải	Rắn	290
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	275
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	280
5	Phoi kim loại, đầu mẫu thải	Rắn	110
6	Dầu thủy lực thải	Lỏng	10
7	Các loại dầu thải khác	Lỏng	09
	Tổng khối lượng		1.342

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải rắn	Khối lượng (kg/năm)
1	Các sản phẩm bị lỗi, hỏng (không chứa thành phần nguy hại)	575
2	Bìa, giấy vụn, băng dính, nilon không dính dầu	100
3	Bavia nhựa không dính thành phần nguy hại	108
4	Bavia kim loại không dính thành phần nguy hại	65
5	Bavia cao su không dính thành phần nguy hại	107
6	Vải ni đen, vải da, vải không dệt thải	102
	Tổng	1.057

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 27 kg/ngày, tương đương với 8.424 kg/năm. Thành phần chủ yếu bao gồm túi nilong, vỏ chai lọ, vỏ hoa quả bánh kẹo, giấy,... phát sinh từ nhà vệ sinh, văn phòng và nhà ăn.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí 04 thùng chứa chất thải chuyên dụng dung tích 120 lít/thùng, có nắp đậy, mỗi loại chất thải đựng vào thùng chứa riêng, trên mỗi thùng có dán mã chất thải tương ứng, dấu hiệu cảnh báo, lưu giữ tại khu vực chứa CTNH.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 01 kho chứa diện tích 35m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa có mái che, lắp đặt cửa ra vào, có khóa, trên cửa có biển cảnh báo kho chứa CTNH.

Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý CTNH theo đúng quy định, tần suất dự kiến khoảng 02 tuần/lần.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí các thùng chứa chất thải dung tích 120 lít để thu gom các loại chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh.

2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa

- Diện tích kho chứa chất thải: 01 kho chứa diện tích 30 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho xây bằng gạch, nền láng xi măng, có mái che trên cửa có lắp biển tên đúng quy cách, được bố trí cạnh nhà ăn, nằm phía sau xưởng sản xuất.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định, tần suất dự kiến khoảng 01 tuần/lần.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng chứa chất thải dung tích 60 lít/thùng đặt tại khu vực văn phòng, nhà xưởng để thu gom và phân loại chất thải phát sinh tại nguồn. Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt được tập kết vào thùng rác dung tích 120 lít và chuyển giao cho đơn vị chức năng để xử lý.

2.3.2. Kho /khu vực lưu chứa: Dự án không bố trí kho chứa.

Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị đủ chức năng đến vận chuyển và xử lý theo đúng quy định, tần suất dự kiến khoảng 1 lần/ngày (vào cuối ngày).

Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được lưu giữ tại bể chứa bùn, định kỳ 6 tháng/lần hoặc khi bể chứa đầy thuê đơn vị chức năng hút xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt.

Đối với cặn bùn tại các bể tự hoại định kỳ 01 năm/lần thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn mang đi xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động dự án khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH Công nghệ Sanken Việt Nam có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung 20m³/ngày đêm để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Trám; đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 175/TTr-TNMT ngày 11/4/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án.